



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

BẢNG ĐIỂM GIỚI TỬ SA DI

SBD	PHÁP DANH	THỂ DANH	ĐƠN VỊ	HỆ PHÁI	ĐIỂM THI VẤN ĐÁP		ĐIỂM THI VIẾT		TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM TRUNG BÌNH	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
					GK (1)	GK (2)	GK (1)	GK (2)				
004	NHUẬN THẢO	Hồ Anh Thuận	P. Phú Mỹ	Bắc tông	9,5	9,5	8,5	9,5	37	9,25		
012	TÂM MÔN	Nguyễn Ngọc Phú	X. Học Môn	Bắc tông	9,5	9	9	9,5	37	9,25		
017	TÂM TỊNH	Trần Tuấn Nhanh	X. Tân Nhựt	Bắc tông	9,5	9,5	9,5	8	36,5	9,13		
020	TÂM TƯỚNG	Lê Văn Tỷ	P. Xuân Hòa	Bắc tông	9,5	9,5	9	8,5	36,5	9,13		
008	TÂM DI	Nguyễn Khắc Qui	X. Học Môn	Bắc tông	9	9,5	8	9,5	36	9,00		
018	TÂM TOÁN	Phạm Văn Toán	X. Học Môn	Bắc tông	9,5	9,5	8	8,5	35,5	8,88		
033	THIÊN TỬ	Nguyễn Hữu Toàn	P. Hòa Hưng	Bắc tông	8,5	9	9	9	35,5	8,88		
009	TÂM KHANH	Nguyễn Pháp	X. Học Môn	Bắc tông	9,5	9	7,5	9	35	8,75		
030	THIÊN PHÚC	Nguyễn Thế Luân	P. Hòa Hưng	Bắc tông	9	9	8	9	35	8,75		
011	TÂM LIỄU	Trần Đào Như Khai	X. Học Môn	Bắc tông	8,5	9	8	9	34,5	8,63		
031	THIÊN PHƯỚC	Nguyễn Văn Nghĩa	P. Vườn Lài	Bắc tông	9	9	8	8,5	34,5	8,63		
039	TUỆ NIỆM	Nguyễn Hoàng Tiến	P. Phú Mỹ	Bắc tông	8	8	9	9,5	34,5	8,63		

028	THIỆN HƯNG	Trương Đăng Huy	P. Bình Thạnh	Bắc tông	8,5	8,5	8	9	34	8,50		
001	BỬU LỘC	Nguyễn Minh Khôn	P. Cầu Ông Lãnh	Bắc tông	9	9	7,5	8	33,5	8,38		
019	TÂM TRUÔNG	Võ Ngọc Vinh	X. Hóc Môn	Bắc tông	9,5	9	8	7	33,5	8,38		
029	THIỆN NAM	Ung Trung Việt	X. Bà Điểm	Bắc tông	8,5	9	8	7,5	33	8,25		
014	TÂM NHÂN	Nguyễn Hữu Nam	X. Tân Nhựt	Bắc tông	9	9,5	8	6	32,5	8,13		
052	THÁNH TẠNG	Lê Huy Bảo	Thái Nguyên	Bắc tông	8	8	9,5	7	32,5	8,13		
001	ĐĂNG ÂN	Lê Ngọc Ân	P. Bình Trưng	Khất sĩ	7,5	7,5	9,5	8	32,5	8,13		
005	PHÁP THÁNH	Phạm Đình Hào	X. An Bình	Nam tông	9	9	7,5	7	32,5	8,13		
010	TÂM KIẾN	Lê Như Hưng	X. Hóc Môn	Bắc tông	9	9	6	8	32	8,00		
038	TRUNG TỊNH	Phạm Việt Bách	P. An Phú Đông	Bắc tông	7,5	7,5	8	9	32	8,00		
002	DUY THIỆN	Điền Đức Duy	P. Chợ Lớn	Bắc tông	9,5	9,5	5,5	7	31,5	7,88		
015	TÂM THỦ	Vòng Đạt Văn	P. Xuân Hòa	Bắc tông	9,5	9,5	7,5	5	31,5	7,88		
004	GIÁC MINH TỊNH	Phạm Xuân Long	P. Bình Trưng	Khất sĩ	8,5	8,5	7	7,5	31,5	7,88		
009	THIỆN DUYÊN	Trần Văn Diễm	X. An Bình	Nam tông	9	9	7,5	6	31,5	7,88		
016	TÂM TIỆP	Nguyễn Văn Tâm	X. Hóc Môn	Bắc tông	8,5	9	8	5,5	31	7,75		
024	THIÊN ANH	Dương Khải Kiệt	P. Hòa Hưng	Bắc tông	8,5	8,5	8	6	31	7,75		
035	THƯỜNG TUỆ	Nguyễn Hữu Mạnh	P. Nhiêu Lộc	Bắc tông	7	7	8	9	31	7,75		
002	ĐĂNG BỒN	Nguyễn Văn Lý Tường	P. Thủ Đức	Khất sĩ	7,5	7,5	9	7	31	7,75		
005	QUANG CẢNH	Vũ Mạnh Hùng	P. Tân Hải	Bắc tông	9	9	5,5	7	30,5	7,63		
046	XƯƠNG BÌNH	Lộ Hòa Khánh	P. Tân Thới Hiệp	Bắc tông	7	6,5	8	9	30,5	7,63		
007	TÂM CHỦNG	Phạm Văn Hường	X. Hóc Môn	Bắc tông	9	8,5	5,5	7	30	7,50		

026	THIỆN GIỚI	Nguyễn Hữu Lộc	P. Linh Xuân	Bắc tông	8	8	7	7	30	7,50		
034	THUẬN PHONG	Nguyễn Quốc Anh	P. Phú Mỹ	Bắc tông	8	8	7	7	30	7,50		
044	XƯƠNG HẢI	Nguyễn Trường Phương Quang	P. Chánh Hưng	Bắc tông	8	7,5	7	7,5	30	7,50		
045	XƯƠNG HIỀN	Nguyễn Trường Phương Vinh	P. Chánh Hưng	Bắc tông	7	7	8	8	30	7,50		
004	CHÁNH TƯỜNG	Nguyễn Đức Trung	P. Long Bình	Nam tông	9	9	5,5	5,5	29	7,25		
021	TÂM XUÂN	Nguyễn Trường Thuận	X. Hóc Môn	Bắc tông	7	6,5	8	7	28,5	7,13		
036	TRUNG BẢO	Nguyễn Thanh Trường	P. Long Trường	Bắc tông	6,5	7	7	8	28,5	7,13		
041	VẠN THẾ	Phạm Minh Luân	P. Tân Thuận	Bắc tông	7	7,5	7	7	28,5	7,13		
049	THIÊN PHÁP	Nguyễn Kim Quang	P. Vườn Lài	Bắc tông	9	8,5	6	5	28,5	7,13		
053	GIÁC MINH	Ngô Duy Sơn	Thái Nguyên	Bắc tông	8	8,5	6	5,5	28	7,00		
003	CHÁNH BẢO	Phạm Trung Thành	P. Long Bình	Nam tông	7	8	6	7	28	7,00		
008	TÂM NGỘ	Trần Quý	P. Long Bình	Nam tông	10	10	3	4	27	6,75		
055	THIÊN NINH	Nguyễn Hoàng Minh Khang	P. Hòa Hưng	Bắc tông	7,5	7	6	5,5	26	6,50		
003	ĐĂNG PHƯƠNG	Lê Công Hậu	P. Bình Trưng	Khất sĩ	8	8,5	5	4,5	26	6,50		
025	THIỆN ĐẠO	Hà Thế Truyền	P. Tân Sơn	Bắc tông	6	6	7	6,5	25,5	6,38		
027	THIỆN HẢO	Trần Minh Toàn	P. Bình Tân	Bắc tông	5,5	5	8	7	25,5	6,38		
037	TRUNG THỤ	Đào Văn Thụ	P. Đông Hưng Thuận	Bắc tông	5,5	6	7	7	25,5	6,38		
006	PHƯỚC TIẾN	Phạm Văn Tuyên	P. Long Hưng	Nam tông	10	10	2,5	3	25,5	6,38		
002	TRÍ MINH	Vũ Lê Lao Vinh	P. Hạnh Thông	Nam tông	8	6	5	6	25	6,25		
040	VẠN ĐÀ	Nguyễn Tấn Lộc	P. Tân Thuận	Bắc tông	6,5	7	5	6	24,5	6,13		

051	QUẢNG NGUYỄN	Lại Đức Được	Thái Nguyên	Bắc tông	5	5	8	6,5	24,5	6,13		
022	THÁNH AN	Nguyễn Ngọc Sơn	P. Khánh Hội	Bắc tông	5,5	5	8	5,5	24	6,00		
043	XƯƠNG ĐỨC	Phan Tâm An	P. Tân Thới Hiệp	Bắc tông	5	5	7	7	24	6,00		
054	TÂM THỨC	Đỗ Văn Ngoan	Thái Nguyên	Bắc tông	6	6	6	5,5	23,5	5,88		
001	MINH THIÊN	Võ Ngọc Hoàng	P. Hạnh Thông	Nam tông	8	8	3	4,5	23,5	5,88		
050	THÁNH TÚC	Nguyễn Đình Tri	Thái Nguyên	Bắc tông	5	5	7	5,5	22,5	5,63		
007	TÂM ĐẠO	Lê Hoàng Long	P. Long Bình	Nam tông	7	8	3	4,5	22,5	5,63		
048	TÂM ĐOAN	Hà Ngọc Minh	X. Hóc Môn	Bắc tông	4,5	4,5	6	5	20	5,00		
010	TRÍ ĐỨC	Nguyễn Thanh Thuyền	P. Hạnh Thông	Nam tông	7	7	2,5	2	18,5	4,63	Trượt	
047	DOANH HIỀN	Trương Long	P. Chợ Lớn	Bắc tông								HTH, Không thi
003	NGUYỄN TÂM	Huỳnh Nguyễn Hoàng Phúc	X. Bình Mỹ	Bắc tông								Vắng
006	TÂM BẮC	Dương Huỳnh Nghĩa	X. Hóc Môn	Bắc tông								Vắng
013	TÂM NGỌC	Nguyễn Huỳnh Thuần	X. An Nhơn Tây	Bắc tông								Vắng
023	THANH TUẤN	Nguyễn Hoàng Tú	P. Phú Lâm	Bắc tông								Rút hồ sơ
032	THIỆN TRỰC	Nguyễn Công Chánh	P. Phú Lâm	Bắc tông								Rút hồ sơ
042	VẠN THIÊN	Trịnh Quang Nhân	P. Tân Thuận	Bắc tông								Vắng
011	TUỆ CHIÊU	Nguyễn Đông Hùng	P. Long Bình	Nam tông								Vắng
012	TUỆ GIỚI	Hồ Quốc Khánh	P. Tân Uyên	Nam tông								Vắng